

Số: 04/2025/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Để áp dụng đúng và thống nhất quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Điều 2. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

1. “Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) “Ngăn chặn tác hại của tội phạm” là khi tội phạm đã được thực hiện và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để ngăn chặn không cho tác hại của tội phạm xảy ra;

b) “Làm giảm bớt tác hại của tội phạm” là khi tội phạm đã được thực hiện, tác hại của tội phạm đang xảy ra và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để không cho tác hại của tội phạm tiếp tục xảy ra hoặc xảy ra lớn hơn.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội (tự mình hay có sự tác động của người khác, yếu tố khách quan khác) và thực tế tác hại của tội phạm đã được ngăn chặn, được làm giảm bớt.

Ví dụ: Ngay sau khi gây ra tai nạn giao thông, Nguyễn Văn A đã đưa nạn nhân đi cấp cứu kịp thời nên tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân được giảm bớt. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2. “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội tự mình hoặc đồng ý để cha, mẹ, người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người phạm tội gây ra;

b) Người phạm tội không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (như: việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ hoặc thuộc trách nhiệm dân sự của các bị cáo khác trong cùng vụ án) nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình hoặc đồng ý để cha, mẹ, người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người phạm tội gây ra;

c) Người phạm tội tự nguyện hoặc đồng ý để cha, mẹ, người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người phạm tội gây ra, nhưng bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, mà số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người phạm tội gây ra;

d) Có chứng cứ chứng minh người phạm tội tự nguyện hoặc đồng ý để cha, mẹ, người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người phạm tội gây ra, nhưng bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó cất giữ, giữ giữ để sẵn sàng thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả khi có yêu cầu.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào sự chủ động, tích cực của người phạm tội trong việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và hiệu quả, mức độ của việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

3. “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức mà thực hiện hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết là hành vi chống trả không tương xứng, có sự chênh lệch lớn so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Để xác định hành vi chống trả có “rõ ràng quá mức cần thiết”

hay không phải xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những tình tiết, sự kiện liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi chống trả như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại mà hành vi xâm hại có thể gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp thực hiện; nhân thân người xâm hại; tương quan lực lượng, cường độ, mức độ của hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ; bối cảnh, hoàn cảnh, địa điểm xảy ra sự việc...

Ví dụ: Phạm Văn T dùng dao uy hiếp và đâm vào mặt Nguyễn Văn A. Để bảo vệ mình, A đã giằng co với T, cướp dao và ném xuống sông. Khi T bỏ chạy, A vẫn đuổi theo và lấy đá đập nhiều lần vào người T dẫn đến tổn thương cơ thể tỷ lệ 25%. Hành vi gây thương tích của A đã vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4. *“Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết”* quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa nhưng thực tế thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (thiệt hại thực tế bằng hoặc lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa).

Ví dụ: Khi xảy ra cháy ở cửa hàng, mặc dù đám cháy đã được khống chế nhưng vẫn để lại lượng khói lớn, Nguyễn Văn A là nhân viên cho rằng đám cháy sẽ lây lan sang nhà để xe nên đã phá cửa và tường nhằm mục đích lấy xe máy của mình trị giá 20.000.000 đồng. Hành vi của A đã gây ra thiệt hại thực tế là 100.000.000 đồng, thiệt hại này lớn hơn thiệt hại phải ngăn ngừa nên hành vi của A đã vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

5. *“Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội”* quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ nhưng thực tế đã sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ.

Ví dụ: Nguyễn Văn A bắt được Nguyễn Văn B do có hành vi cướp giật túi xách của người đi đường. Tuy đã khống chế được B nhưng A vẫn đánh, đập liên tiếp vào người B mặc dù đã được người khác can ngăn. Hậu quả B bị gãy chân, tay, tổn thương cơ thể tỷ lệ là 65%. Hành vi của A đã vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

6. *“Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”* quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội bị kích động về tinh thần, bị chi phối do hành vi trái pháp luật của nạn nhân khiến họ không hoàn toàn tự chủ, tỉnh táo, tự kiểm chế mà thực hiện hành vi phạm tội. Sự kích động tinh thần phải là tức thời do hành vi trái pháp luật của nạn nhân dẫn tới thực hiện hành vi phạm tội;

b) Trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỉ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người phạm tội bị kích động không tự kiểm chế được mà thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp này nếu tách riêng hành vi nêu trên thì không coi là kích động, nhưng nếu xét cả quá trình diễn biến của sự việc thì được coi là kích động mạnh hoặc rất mạnh nên người phạm tội có thể được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn phải căn cứ vào lỗi, mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật của nạn nhân với tình trạng tinh thần bị kích động của người phạm tội.

Chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này nếu nạn nhân là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật và hành vi trái pháp luật đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thân thích của người phạm tội. Nếu hành vi trái pháp luật của nạn nhân không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc người thân thích của họ khiến người phạm tội bị kích động về tinh thần thì không phải là căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: Nguyễn Văn A thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ con và đập phá đồ đạc. Ngày 01/9/2025, A tiếp tục đập phá đồ đạc, đánh chửi vợ và con là Nguyễn Văn B; không kiểm chế được, B đã lấy đoạn gỗ đập nhiều nhát vào đầu A. Hậu quả A bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 65%. Trường hợp này, Nguyễn Văn B được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

7. *“Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp phải do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà phạm tội và hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không phải do người phạm tội tự mình gây ra, có thể do người khác hoặc nguyên nhân khách quan khác gây ra (như: thiên tai địch họa, hỏa hoạn, tai nạn rủi ro, bệnh hiểm nghèo, sự kiện bất khả kháng dẫn tới bước đường cùng hoặc không còn tài sản đáng kể...). Chỉ áp dụng tình tiết này khi có đầy đủ hai điều kiện “phải do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà phạm tội” và “hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không phải do người phạm tội tự mình gây ra”.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn phải căn cứ vào mức độ, hoàn cảnh khó khăn và khả năng khắc phục của người phạm tội.

Ví dụ: Gia đình Nguyễn Văn A thuộc hộ nghèo, vợ bị liệt nửa người, chồng không có thu nhập ổn định. Do con nhỏ gặp tai nạn nguy hiểm đến tính mạng phải đưa đi cấp cứu và điều trị, nhưng gia đình không có tiền và không vay mượn được ai nên A đã lấy trộm chiếc xe máy bán được số tiền 20.000.000 đồng và dùng số tiền đó để chữa bệnh cho con. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

8. “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là trường hợp tội phạm đã được thực hiện nhưng thiệt hại (vật chất hoặc phi vật chất) không xảy ra trên thực tế. Khi xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cần phân biệt với trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn A phá cửa nhà người khác để lấy trộm chiếc xe máy trị giá 20.000.000 đồng. A đã đưa được xe máy ra khỏi cổng nhà thì bị chủ nhà phát hiện, hô hoán nên hàng xóm ngăn chặn, bắt giữ được A cùng xe máy. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn A phá cửa nhà người khác để lấy trộm chiếc xe máy trị giá 20.000.000 đồng nhưng khi đang cố gắng tìm cách mở khóa xe thì bị chủ nhà phát hiện, bắt giữ. Trường hợp này, Nguyễn Văn A phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

b) Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là trường hợp tội phạm đã được thực hiện và đã gây ra thiệt hại (thiệt hại thực tế đã xảy ra) nhưng thiệt hại xảy ra không lớn so với mức bình thường của tội phạm đó. Việc xác định thiệt hại lớn hay không lớn phải căn cứ vào giá trị thiệt hại (thiệt hại vật chất), ảnh hưởng của thiệt hại đến chủ sở hữu và xã hội (thiệt hại phi vật chất). Đối với thiệt hại vật chất thì căn cứ vào trị giá quy đổi thành tiền, đối chiếu với định lượng bằng tiền quy định trong các cấu thành tội phạm tương ứng mà tội phạm xâm phạm. Đối với thiệt hại phi vật chất thì đánh giá mức độ ảnh hưởng của tội phạm tới tâm lý, tinh thần, uy tín, danh dự sức khỏe của bị hại, mức độ ảnh hưởng tới dư luận, đời sống xã hội, cộng đồng để xem xét xác định.

9. “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp phạm tội khi có đủ 02 điều kiện sau đây:

a) Phạm tội lần đầu là trường hợp từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào hoặc trước đó đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng được miễn trách nhiệm hình sự; trước đó đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng được áp dụng biện pháp tư pháp

giáo dục tại trường giáo dưỡng; thuộc trường hợp được coi là không có án tích; trước đó đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích;

b) Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm hoặc trường hợp người phạm tội có vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án đồng phạm về tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Tòa án chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi có đủ 02 điều kiện “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Nếu bị cáo phạm tội lần đầu mà không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc ngược lại phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải là phạm tội lần đầu thì không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nếu bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị kết án hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong lần phạm tội sau thì không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Ví dụ: Nguyễn Văn A chưa phạm tội lần nào, nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội xâm phạm quyền riêng tư của người khác quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng). Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

10. “*Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức*” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) “Bị người khác đe dọa” là bị người khác dọa trừng phạt nếu làm trái ý họ, tạo cho người phạm tội nỗi lo sợ về một hậu quả có thể xảy ra và để tránh hậu quả đó người phạm tội đã phải thực hiện tội phạm;

b) “Bị người khác cưỡng bức” là bị người khác dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, có sự tác động về thể chất hoặc tinh thần hoặc có hành vi khác buộc người phạm tội phải thực hiện tội phạm.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hành vi đe dọa, cưỡng bức đối với người phạm tội.

Ví dụ: Lê Tấn Y là chủ nợ, thường xuyên có hành vi hành hung, đe dọa nếu vợ chồng Nguyễn Văn A không trả nợ thay cho bà Đinh Thị K (mẹ đẻ của A) thì sẽ giết vợ chồng A. Ngày 01/8/2025, A cùng một số người đến gặp Y để thương lượng nhưng dẫn đến xô xát, hậu quả Y bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 30%. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

11. “*Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra*” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trong khi bị hạn chế khả năng nhận thức, không đủ tỉnh táo để nhận biết một cách đầy đủ mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức do nguyên nhân, yếu tố khách quan tác động (như: bị cưỡng ép, lừa gạt để sử dụng chất kích thích mạnh...), chứ không phải do bản thân người phạm tội gây ra.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào tính chất, mức độ bị hạn chế khả năng nhận thức của người phạm tội và hoàn cảnh, nguyên nhân, yếu tố khách quan tác động đến nhận thức của người phạm tội.

Ví dụ: Nguyễn Văn A biết Phạm Văn B nếu uống rượu thì sẽ gặp tình trạng hạn chế khả năng điều khiển hành vi. A đổ rượu vào lon nước ngọt cho B uống. Biết mình đã uống rượu, B tức giận, bỏ về. Trên đường về, thấy chị Tạ Thị C nên B đã xông vào đánh chị C, hậu quả chị C bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 30%. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định pháp y tâm thần, kết quả giám định kết luận: tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, về mặt y học, B bị trạng thái loạn thần cấp tính xảy ra do rượu (say rượu bệnh lý). Trường hợp này, Phạm Văn B được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

12. “*Phạm tội do lạc hậu*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp phạm tội do nhận thức, trình độ thấp kém mà không nhận thức đầy đủ tính chất nghiêm trọng do hành vi của mình gây ra hoặc không theo kịp đà tiến bộ, đà phát triển chung của xã hội. Chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội do lạc hậu” nếu sự lạc hậu đó là do nguyên nhân khách quan đưa lại (như: do đời sống xã hội nên không hiểu biết hoặc kém hiểu biết về pháp luật, không được học tập, không có điều kiện thực tế để nhận biết cái đúng, cái sai trong cuộc sống...).

Ví dụ: Sùng Văn A là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn vẫn còn phong tục bắt vợ từ sớm. A đã bắt chị Vàng Thị B 14 tuổi về làm vợ nhưng không có sự đồng thuận của chị B dẫn đến chị B có con khi mới 15 tuổi. Trường hợp này, Sùng Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

13. “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*”, “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại điểm n và điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc là người từ đủ 70 tuổi trở lên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội hoặc trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xác định người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc là người từ đủ 70 tuổi trở lên phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn hoặc giấy tờ, tài liệu hợp pháp khác.

14. “*Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng*” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội bị khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng tại thời điểm thực hiện

hành vi phạm tội hoặc trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến suy giảm hoặc mất một phần chức năng, không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, chăm sóc; cũng được coi là người khuyết tật nặng nếu có khả năng tự phục vụ sinh hoạt khi có người, phương tiện trợ giúp một phần hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

b) Người khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không thể tự kiểm soát hoặc không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà luôn phải có người theo dõi, chăm sóc; cũng được coi là người khuyết tật đặc biệt nặng nếu không còn khả năng tự phục vụ hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Người khuyết tật nặng hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng được xác định theo quy định của Luật Người khuyết tật và quy định khác của pháp luật. Tòa án căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế, kết luận giám định hoặc chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền để xác định người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào mức độ khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người phạm tội.

Ví dụ: Ngày 20/3/2025, Nguyễn Văn A thực hiện hành vi cướp tài sản, chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại trị giá 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn S. Ngày 24/5/2025, A bị tai nạn giao thông và phải cắt bỏ chân phải và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận khuyết tật mức độ nặng do bị suy giảm khả năng lao động 65%. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

15. “*Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội là người có bệnh mà bệnh đó là nguyên nhân làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội;

b) Người phạm tội đã mắc bệnh mà bệnh đó làm cho họ không điều khiển được hành vi theo ý muốn của mình (hạn chế về khả năng vận động của cơ thể) mặc dù họ vẫn nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó.

Chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này nếu là người phạm tội có bệnh, được cơ quan chuyên môn kết luận và bệnh đó là nguyên nhân dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có hành vi cố ý gây thương tích đối với chị Nguyễn Thị B. Kết luận giám định pháp y tâm thần xác định A trong khi phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi do bệnh rối loạn tâm

thần, bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ vừa. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

16. “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện. Trường hợp người phạm tội bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện thì cũng được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện.

Ví dụ: Ngay sau khi có hành vi gây tai nạn giao thông, hậu quả làm chết người, Nguyễn Văn A đã đến cơ quan công an cấp xã để trình diện và khai báo về hành vi phạm tội của mình. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

17. “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội thành khẩn khai báo là trường hợp đã khai nhận đầy đủ, đúng sự thật, chính xác, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình;

b) Người phạm tội ăn năn hối cải là trường hợp cảm thấy day dứt, hối hận về việc mình đã gây ra và mong muốn có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt, bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

“Thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” không phải là hai tình tiết độc lập. Nếu người phạm tội vừa “thành khẩn khai báo”, vừa “ăn năn hối cải” thì chỉ được coi là một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người phạm tội bị bắt quả tang, nhưng sau khi bị bắt đã khai báo đầy đủ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo cho họ. Nếu sau khi bị bắt người phạm tội quanh co, chối tội hoặc khai báo không đúng sự thật của vụ án và chỉ sau khi cơ quan tiến hành tố tụng đã chứng minh được đầy đủ hành vi phạm tội của họ, họ mới nhận sự việc phạm tội của họ đúng như cơ quan tiến hành tố tụng đã chứng minh, thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

Trường hợp lúc đầu người phạm tội quanh co, chối tội hoặc khai báo không đúng sự thật, nhưng sau đó đã khai báo lại một cách đầy đủ và đúng sự thật diễn biến việc phạm tội, thì vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo đối với họ, nhưng mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này không thể bằng trường hợp ngay từ đầu họ đã khai báo đầy đủ và đúng sự thật.

18. “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm người phạm tội chủ động, tích cực giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

tạo ra những biến đổi, thay đổi trong việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án dẫn tới việc giải quyết vụ án đó được thực hiện nhanh hơn.

Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án được thể hiện bằng việc cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án; chỉ nơi cất giấu vật chứng, công cụ, phương tiện phạm tội; cung cấp thông tin, nơi trốn tránh của đồng phạm khác.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào tính chủ động, mức độ tích cực hợp tác; giá trị của những thông tin, tài liệu, chứng cứ mà người phạm tội đã cung cấp; hiệu quả của những hành vi hợp tác của người phạm tội.

Ví dụ: Nguyễn Văn A đã cung cấp thông tin cho Cơ quan điều tra về hành vi phạm tội và nơi ẩn trốn của Phạm Văn B nên Cơ quan điều tra bắt được B là đồng phạm trong vụ án. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

19. *“Người phạm tội đã lập công chuộc tội”* quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là trường hợp từ khi thực hiện tội phạm cho đến trước khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), người phạm tội có một trong các hành động được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, xác nhận sau đây:

a) Giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, ngăn chặn, truy bắt tội phạm khác không liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội;

b) Có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền, lợi ích chính đáng của người khác hoặc lập được những chiến công, công lao khác để sửa chữa, bù đắp cho hành vi phạm tội của mình như giúp được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản có giá trị của Nhà nước, tập thể, cá nhân trong thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác.

Ví dụ: Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Văn A đã có hành động giúp lực lượng chức năng khống chế đám cháy, cứu được 04 người mắc kẹt trong đám cháy. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã tặng giấy khen cho A. Trường hợp này, Nguyễn Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

20. *“Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”* quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người được tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc được công nhận là chiến sỹ thi đua theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng;

b) Người được tặng Kỷ niệm chương do có sự đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng;

c) Hình thức khen thưởng khác đối với người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng.

Ví dụ: Người phạm tội được tặng thưởng huân chương lao động, danh hiệu Anh hùng lao động, nghệ sĩ nhân dân hoặc danh hiệu chiến sĩ thi đua... Trường hợp này, người phạm tội được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

21. *“Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”* quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội là người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 về ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

Trường hợp người phạm tội là vợ, chồng của liệt sĩ, đã kết hôn với người khác nhưng vẫn thờ cúng liệt sĩ thì cũng được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Trường hợp người phạm tội là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ hoặc có công nuôi dưỡng cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ (kể cả trường hợp những người này đã chết) thì cũng được áp dụng tình tiết người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người phạm tội đồng thời vừa là người có công với cách mạng vừa là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ thì được coi là có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Điều 3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Tình tiết sau đây có thể coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

1. Người phạm tội đầu thú là trường hợp sau khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện, người phạm tội tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình.

2. Người phạm tội tự nguyện nộp lại ít nhất một phần hai số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội hoặc tiền phạt bổ sung theo bản án, quyết định của Tòa án.

3. Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu, chống dịch.

4. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế được cấp có thẩm quyền xác nhận, nhưng vì lý do khách quan chưa kê khai đề nghị nên chưa có Huân chương, Huy chương.

5. Người phạm tội có mẹ hoặc bà được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; có cha, mẹ, ông, bà được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Người phạm tội có cha, mẹ được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen về những thành tích xuất sắc trong công tác.

7. Người bị hại hoặc người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại hoặc gây thiệt hại về tài sản.

8. Người bị hại cũng có lỗi hoặc thiệt hại do lỗi của người thứ ba.

9. Người phạm tội có từ 03 con nhỏ trở lên đều dưới 15 tuổi hoặc có con bị khuyết tật nặng trở lên, bị bệnh hiểm nghèo mà vợ, chồng không có công ăn việc làm, gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận.

10. Tòa án có thể coi tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác cần phải được xem xét thận trọng, chặt chẽ, tùy vào tính chất, đặc điểm của từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự

1. “*Phạm tội có tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ và phân công, sắp đặt vai trò của những người cùng thực hiện tội phạm.

Trường hợp xác định là phạm tội có tổ chức thì phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với tất cả những người cùng thực hiện tội phạm (người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức).

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này thì mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào quy mô tổ chức, vai trò của từng người trong việc tham gia hành vi phạm tội.

2. “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên (không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích) và người phạm tội lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập.

Ví dụ: Đặng Hồng H không nghề nghiệp, lười lao động, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Để có tiền tiêu xài và trả nợ từ tháng 10/2023 đến tháng 09/2024, H thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản (mỗi vụ từ 10.000.000 đồng trở lên) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 500.000.000 đồng. Trường hợp này, Đặng Hồng H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

3. “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là việc người có chức vụ, quyền hạn dựa vào chức vụ, quyền hạn được giao để cố ý làm trái, không làm hoặc làm không đúng quy định của pháp luật.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là Điều tra viên của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, lợi dụng vị trí công tác sử dụng con dấu của cơ quan để làm giả giấy xác nhận cho Nguyễn Văn B (bị can trong vụ án khác không do A giải quyết) là người có công tố giác, phát hiện tội phạm mới không đúng sự thật. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4. “*Phạm tội có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội có thái độ coi thường pháp luật, thường xuyên gây rối an ninh trật tự, sẵn sàng dùng vũ lực, có hành vi hung hãn coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác một cách vô cớ hoặc do bộc phát hoặc vì lý do nhỏ nhặt sẵn sàng dùng vũ lực hoặc thường xuyên thực hiện hành vi uy hiếp người khác phải khuất phục mình.

Ví dụ: Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô và nẹt pô trên đường. Lúc này Nguyễn Văn B cũng đang điều khiển xe mô tô khác khó chịu với tiếng nẹt pô nên vượt lên chặn đầu xe, dùng dao đâm vào ngực phải và hông trái của A gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 60%. Trường hợp này, Nguyễn Văn B bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

5. “*Phạm tội vì động cơ đê hèn*” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội để trả thù hoặc phạm tội để trốn tránh trách nhiệm của bản thân; phạm tội đối với người mà mình mang ơn hoặc những hành vi phạm tội khác thể hiện sự bội bạc, phản trắc.

Ví dụ: Giết người nhằm mục đích lấy vợ hoặc chồng nạn nhân; giết tình nhân đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm; giết người đã cho vay, giúp đỡ mình khi gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm trốn nợ;...

6. “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội quyết tâm thực hiện bằng được ý định phạm tội và hành vi phạm tội, mặc dù có sự can ngăn của người khác hoặc có những trở ngại khác trong quá trình thực hiện tội phạm. Cũng có thể áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này nếu mục đích của người phạm tội không đạt nhưng chứng minh được người phạm tội tìm mọi cách để thực hiện được tội phạm hoặc đạt được mục đích phạm tội của mình. Trường hợp người phạm tội có sự lưỡng lự, không dứt khoát thực hiện tội phạm thì không áp dụng tình tiết này.

Ví dụ: Nguyễn Văn A và Phạm Văn B vì va chạm giao thông dẫn đến xô xát. A dùng dao đâm vào lưng B. Mặc dù B đã chống trả, chạy thoát, nhưng A vẫn tiếp tục truy đuổi và dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhát vào bụng, ngực làm B tử vong. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

7. “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã thực hiện từ 02 lần phạm tội trở lên đối với một tội phạm mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm

nhưng chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: Tháng 01/2025, Nguyễn Văn A đã 03 lần lấy trộm xe máy của người dân với trị giá tài sản mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 60.000.000 đồng, nhưng chưa lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

8. *“Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là những trường hợp phạm tội quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: Tháng 6/2024, Nguyễn Văn A đã bị kết án 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt). Tháng 10/2025, Nguyễn Văn A lại tiếp tục trộm cắp xe máy với trị giá 20.000.000 đồng. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

9. *“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên”* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự chỉ áp dụng đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội có nhận biết được hay không nhận biết được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị hại là người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.

10. *“Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”* quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội với người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) “Người ở trong tình trạng không thể tự vệ được” là người trong tình trạng mất, hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; bị bệnh hoặc đang ở trong tình thế khác mà không chống đỡ được, không thể tự bảo vệ mình được (đang ngủ say, đang hôn mê, bất tỉnh, đang bị trói tay chân...);

b) “Người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng” là người được hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản 14 Điều 2 Nghị quyết này.

c) “Người lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác” là người có mối quan hệ với người phạm tội, bị lệ thuộc vào người phạm tội về mặt vật chất, tinh thần, công tác, tôn giáo, tín ngưỡng hoặc các mặt khác;

Ví dụ: Nguyễn Văn A lợi dụng việc chị Phạm Thị H đang ngủ say do dùng thuốc ngủ nên không có khả năng tự vệ. Sau đó, A đã thực hiện hành vi hiếp dâm chị H. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

11. *“Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội”* quy định tại

điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp (như: bạo loạn vũ trang, tình trạng di cư ồ ạt, khủng hoảng lương thực...), thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội (như: động đất, sóng thần, bão lũ, hạn hán, hỏa hoạn, đại dịch...) để thực hiện hành vi phạm tội mà không đòi hỏi lúc phạm tội đang có chiến tranh, đang trong tình trạng khẩn cấp, đang có thiên tai, dịch bệnh hoặc đang có khó khăn đặc biệt khác.

Ví dụ: Lợi dụng hoàn cảnh người dân đang đi sơ tán khẩn cấp để tránh bão lũ, Nguyễn Văn A đã trộm cắp tài sản là chiếc xe máy trị giá 20.000.000 đồng. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

12. “*Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội sử dụng những cách thức, phương thức thực hiện khôn khéo, phức tạp, kín đáo nhằm mục đích che giấu cho hành vi phạm tội của mình làm cho nạn nhân hoặc những người khác khó nhận ra hoặc phát hiện ra;

b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt để phạm tội là trường hợp người phạm tội sử dụng thủ đoạn dối trá, gian xảo một cách tinh vi, sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, che giấu tội phạm, đổ tội cho người khác, tiêu hủy chứng cứ nhằm gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm;

c) Dùng thủ đoạn tàn ác để phạm tội là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội đã dùng những thủ đoạn thâm độc, tàn nhẫn, man rợ gây đau đớn về thể xác hoặc tinh thần cho nạn nhân hoặc người thân thích của họ.

Ví dụ: Nguyễn Văn A tổ chức một đường dây đánh bạc trực tuyến quy mô lớn, xây dựng một hệ thống công nghệ phức tạp, tạo ra một trang web có tính bảo mật cao, khó bị phát hiện. A đã sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau và nhờ người thân đứng tên để nhận và chuyển tiền từ việc tổ chức đánh bạc. Việc này giúp che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của lợi nhuận từ hoạt động phạm tội. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

13. “*Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội dùng thủ đoạn, phương tiện, công cụ không chỉ nhằm xâm hại cho một người nào đó mà thủ đoạn, phương tiện đó còn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người khác.

Ví dụ: Người phạm tội bỏ thuốc độc vào nguồn nước, thức ăn trong bếp ăn tập thể; dùng chất dễ cháy để đốt nhà xưởng có nhiều công nhân đang làm việc; ném bom, mìn vào nơi có nhiều người đang đi lại; điều khiển ô tô đâm vào nơi đang tập trung đông người;...

14. “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là trường hợp phạm tội khi có đủ 02 điều kiện sau đây:

- a) Người phạm tội là người đã thành niên;
- b) Người phạm tội biết rõ người bị xúi giục là người dưới 18 tuổi.

15. “*Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm*” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là hành động thâm độc, khó lường trước được hoặc hành động dữ tợn, phá phách, đánh, giết người nhằm trốn tránh, tẩu thoát hoặc che giấu tội phạm.

Ví dụ: Sau khi gây ra tai nạn giao thông, Nguyễn Văn A bỏ mặc nạn nhân tại hiện trường rồi lái xe đến gara sửa chữa nhằm xóa dấu vết của vụ tai nạn trên xe. Sau đó, A quay trở lại hiện trường thu dọn tất cả mảnh vỡ của ô tô, để che giấu hành vi phạm tội của mình, tạo dựng hiện trường giả để đánh lạc hướng điều tra. Trường hợp này, Nguyễn Văn A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Điều 5. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp

1. Trường hợp quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2. Trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong đó có tình tiết vừa là tình tiết định khung, vừa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì áp dụng như sau:

a) Trường hợp tình tiết định khung đồng thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự mà không cùng một khoản định khung của điều luật thì áp dụng tình tiết định khung cao nhất và các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

b) Trường hợp tình tiết định khung đồng thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự mà trong cùng một khoản định khung của điều luật thì chỉ áp dụng 01 tình tiết định khung và các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

c) Trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết định khung hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, số lượng tình tiết định khung, số lượng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

3. Đối với trường hợp phạm tội từ 05 lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng các tình tiết định khung hoặc tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”, “tái phạm” (hoặc “tái phạm nguy hiểm”) và “có tính chất chuyên nghiệp”.

4. Trường hợp khi bị bắt, người phạm tội không chỉ khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội đã bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện mà họ còn tự thú khai báo hành vi phạm tội của họ trước đó, chưa bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện thì cần áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” và “người phạm tội tự thú”.

5. Trường hợp người phạm tội trước đó đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm 02 tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì phải áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” đối với cả 02 tội. Nếu điều luật quy định “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt, thì áp dụng là tình tiết định khung hình phạt, nếu điều luật không quy định “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt, thì áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Trường hợp người phạm tội đã bị xét xử trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực theo đúng các văn bản hướng dẫn trước đây và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không căn cứ vào Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. *ph*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Công Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**



Lê Minh Trí